

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 29-6-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tài
2. Ông Phạm Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà Vi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **09/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 22, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị P-Văn phòng luật sư Lộc P thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Phan Hồng N**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 22, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hồng N sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/7/1998. Việc chung sống với nhau là tự nguyện và có tổ chức lễ cưới

theo phong tục. Do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên quá trình sống chung giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn nên giữa chị H và anh N không quan tâm chăm sóc nhau, từ năm 2010 cho đến nay không còn sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị H và anh N có 02 con chung là Phan Hồng K, sinh ngày 30/4/2000 và Phan Đình K, sinh ngày 13/01/2002. Nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khoẻ mạnh không bị bệnh tật gì, sống không phụ thuộc vào cha mẹ nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị H và anh N không có tài sản chung và không vay nợ chung.

Bị đơn anh Phan Hồng N trình bày: Đã được Toà án thông báo việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng đều vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do chị H có đơn đề nghị vắng mặt còn anh N vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H và anh N được ly hôn; Về con chung: các con chung là Phan Hồng K, sinh ngày 30/4/2000 và Phan Đình K, sinh ngày 13/01/2002 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khoẻ mạnh không bị bệnh tật gì, sống không phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Hồng N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều

227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hồng N nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hồng N sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/7/1998. Việc chung sống và kết hôn với nhau là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị H trình bày do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên quá trình sống chung giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên giữa chị H và anh N không quan tâm chăm sóc nhau và không còn sống chung với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Còn anh N được thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng đều vắng mặt.

Qua xác minh tại địa phương cho biết trong thời gian sống chung giữa anh N và chị H đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn nên không còn sống chung cách đây khoảng 10 năm, nay chị H đã không còn sinh sống ở địa phương. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh N không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh N đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Chứng tỏ anh N có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay chị Nguyễn Thị H cương quyết xin được ly hôn với anh Phan Hồng N. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H đề nghị quá trình sống chung giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh N không đến Tòa án làm việc chứng tỏ không muốn níu kéo hôn để nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung của chị H và anh N đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có. Điều đó càng chứng tỏ trong thời gian qua cuộc sống chung giữa chị H với anh N không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Phan Hồng N được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị H và anh Phan Hồng N có 02 người con chung là Phan Hồng K, sinh ngày 30/4/2000 và Phan Đình K, sinh ngày 13/01/2002. Nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khoẻ mạnh không bị bệnh tật gì, sống không phụ thuộc vào cha mẹ, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H đều trình bày không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H xin ly hôn nên buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H với bị đơn anh Phan Hồng N.

Xử cho chị Nguyễn Thị H với anh Phan Hồng N được ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung là Phan Hồng K, sinh ngày 30/4/2000 và Phan Đình K, sinh ngày 13/01/2002 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khoẻ mạnh không bị bệnh tật gì, sống không phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0019438 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên